

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS - ST
Ngày 06 tháng 4 năm 2021
“V/v Tranh chấp chia tài sản chung và
chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông
2. Ông Nguyễn Văn Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham G phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 72/2020/TLST - DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Lê Thị H, sinh năm 1931; Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1954 Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của cụ Lê Thị H: Bà Hoàng Thị Minh D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2020 có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1957, bà Nguyễn Thị M sinh năm 1962, bà Nguyễn Thị H sinh năm 1964, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1969 và ông Nguyễn Văn M sinh năm 1973; bà

Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Đều vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà M, bà H, bà T và ông M: Chị Đinh Quỳnh A, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khu 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2020 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2020 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị Minh D trình bày: Cụ Lê Thị H và cụ Nguyễn Văn G kết hôn cùng nhau và sinh được 6 người con là: Nguyễn Văn G sinh năm 1954; Nguyễn Thị T sinh năm 1957; Nguyễn Thị M sinh năm 1962; Nguyễn Thị H sinh năm 1964, Nguyễn Thị T sinh năm 1969 và Nguyễn Văn M sinh năm 1973.

Theo Nghị định số 64/CP của Chính Phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp thì hộ gia đình cụ H được giao tổng diện tích đất nông nghiệp ở các sùr đồng khác nhau. Thông tin cụ thể các thửa đất như sau: Thửa số 208, tờ bản đồ số 29 ở sùr đồng Kêu Đàm có diện tích là 396 m²; Thửa số 28, tờ bản đồ số 29 ở sùr đồng Nghè có diện tích là 148 m²; Thửa số 16, tờ bản đồ số 28 ở sùr đồng Đám Mạ Hý có diện tích là 160 m²; Thửa số 250, tờ bản đồ số 29 ở sùr đồng Chũng có diện tích là 346 m²; Thửa số 203, tờ bản đồ số 28 ở sùr đồng Nội có diện tích là 330 m² và thửa số 274.3, tờ bản đồ số 29 ở sùr đồng Chũng có diện tích là 36 m². Tổng diện tích đất được Giao là 1.416 m², đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đứng tên hộ cụ Nguyễn Văn G, khi đó hộ cụ G gồm 03 nhân khẩu là: cụ Nguyễn Văn G (chủ hộ), cụ Lê Thị H (vợ cụ G) và con trai út là ông Nguyễn Văn M, còn những người con khác đều đã xây dựng Gia đình và ở riêng

Năm 2007 cụ Nguyễn Văn G chết, trước khi chết cụ G không có di chúc gì về phần quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình trong khối tài sản chung hộ gia đình nêu trên. Sau khi cụ G chết, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp bị mất nên cụ H và các con là bà T, bà M, bà H, bà T và ông M có nói đến việc phân chia thừa kế đối với phần quyền sử dụng đất nông nghiệp của cụ G để lại nhưng ông G là con trai trưởng không đồng ý và bác bỏ mọi ý kiến, quan điểm của mẹ và các em nên mới xảy ra tranh chấp. Hiện nay cụ H đang ở cùng với vợ chồng ông Nguyễn Văn M. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp

của cụ H và các đồng thừa kế khác, cụ H có đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn G yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn G là 1/3 quyền sử dụng đất nông nghiệp thuộc khối tài sản chung của hộ gia đình bao gồm các thửa đất nông nghiệp nói trên. Đồng thời đề nghị Tòa án tước quyền hưởng di sản của ông Nguyễn Văn G do đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản. Tuy nhiên ngày 18/02/2021 cụ Lê Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ H không đề nghị Tòa án tước quyền hưởng di sản của ông Nguyễn Văn G, ngày 19/02/2021 cụ H bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị phân chia tài sản chung của hộ gia đình đối với diện tích đất nông nghiệp nói trên. Nay tại phiên tòa cụ H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Một là, yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình đối với quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ cụ Nguyễn Văn G cho ba người trong hộ gia đình là ông M, cụ H và cụ G.

Hai là, yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ G để lại đối với tiêu chuẩn ruộng canh tác của cụ G được chia trong tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ Gia đình. Cụ thể cụ H yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, riêng phần thừa kế của ông Nguyễn Văn G thì cụ H đồng ý chia bằng đất cho ông G phần diện tích đất tại thửa số 28 diện tích 148 m² ở sùr đồng Nghè cho ông G vì lý do tại thửa đất trên có một chiều tiếp giáp với diện tích đất canh tác của vợ chồng ông G, cụ H không yêu cầu trích công duy trì, bảo quản tài sản. Ngoài ra cụ H không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

- Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn G vắng mặt, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2020 ông Nguyễn Văn G trình bày: Ông là con trai của cụ Nguyễn Văn G và cụ Lê Thị H, ông thừa nhận bố mẹ ông sinh được 6 người con như cụ H đã trình bày. Năm 2007 cụ Nguyễn Văn G chết và không để lại di chúc gì còn mẹ ông là cụ Lê Thị H đang ở cùng vợ chồng ông Nguyễn Văn M (em trai của ông). Về tài sản của bố mẹ ông có toàn bộ diện tích đất nông nghiệp là 1.416 m² bao gồm có 06 thửa ruộng ở 6 sùr đồng, diện tích của 06 thửa ruộng như cụ Lê Thị H đã trình bày. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đứng tên chủ hộ là Nguyễn Văn G (bố của ông). Năm 2011 ông trực tiếp sử dụng đất và nộp sản lượng, mỗi năm nộp 02 tạ thóc đến năm 2014 thì ông trả lại ruộng cho mẹ ông là cụ Lê Thị H sử dụng từ đó cho đến nay. Quan điểm của ông cho rằng ông không có liên quan gì đến đất nông nghiệp vì

toàn bộ diện tích đất nông nghiệp do mẹ ông quản lý, sử dụng trực tiếp nên mẹ ông có toàn quyền quyết định, ông không có ý kiến thắc mắc gì. Nếu Tòa án chia di sản thừa kế là diện tích đất nông nghiệp của bố ông để lại theo quy định pháp luật thì phần thừa kế của ông được bao nhiêu thì ông xin lấy bằng đất sử dụng, ông không lấy bằng tiền. Ngoài ra, ông G cho biết không liên quan gì đến đất nông nghiệp của bố mẹ nên ông không đến Tòa án làm việc, ông đề nghị Tòa án không báo ông đến Tòa án làm việc và ông cũng không ký bất cứ văn bản giấy tờ gì của Tòa án Giao cho. Biên bản lấy lời khai đã đọc cho ông G nghe tại Gia đình, ông G đồng ý nội dung văn bản nhưng không ký biên bản lấy lời khai của Tòa án.

- Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Quỳnh A trình bày: Bà là người đại diện theo ủy quyền của các con cụ Lê Thị H bao gồm: Bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M, về quan hệ gia đình bố mẹ các ông bà sinh được 06 người con và tiêu chuẩn ruộng canh tác của hộ gia đình được cấp tổng số 1.416m² đất ở các sùr đồng khác nhau như nguyên đơn trình bày là đúng, trước khi chết cụ Nguyễn Văn G không để lại di chúc về việc phân chia di sản thừa kế là đất nông nghiệp. Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ H, các ông bà đều đồng ý với mẹ là cụ Lê Thị H về việc đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế là tiêu chuẩn diện tích đất nông nghiệp của cụ Nguyễn Văn G để lại cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật, phần thừa kế của các ông bà được hưởng thì đều tặng cho mẹ là cụ Lê Thị H toàn quyền sử dụng, ông Nguyễn Văn M đồng ý cho cụ H toàn bộ diện tích đất nông nghiệp là tiêu chuẩn ruộng được chia của ông và kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng.

Bà Nguyễn Thị T (vợ ông M) trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn M, ý kiến của ông M đã trình bày bà cũng nhất trí không có bổ sung gì thêm, bà nhất trí giao cho cụ Lê Thị H toàn quyền quyết định và sử dụng diện tích đất nông nghiệp của chồng bà được chia thừa kế và tiêu chuẩn ruộng canh tác được chia trong tổng số diện tích đất nông nghiệp đã giao cho hộ ông Nguyễn Văn G. Hiện nay cụ Lê Thị H đang ở cùng vợ chồng bà, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nói trên hiện nay vợ chồng bà đang sử dụng canh tác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm về việc tuân theo các quy định tố tụng của Thẩm phán về quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng pháp luật tố

tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị H về việc yêu cầu tước quyền hưởng di sản của ông Nguyễn Văn G do đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 218, Điều 219, Điều 612, Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị H về việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế là đất nông nghiệp của cụ Nguyễn Văn G.

Chia cho cụ Lê Thị H sử dụng 1348,6m² đất nông nghiệp trong tổng 1.416m² đất nông nghiệp cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn G bao gồm các thửa ruộng ở 6 sù đồng khác nhau, cụ thể: Thửa số 208, tờ bản đồ số 29 ở sù đồng Kêu Đàm có diện tích là 396 m² (diện tích đất thực tế đo đạc là 380,8 m²); Thửa số 250, tờ bản đồ số 29 ở sù đồng Chũng có diện tích là 346 m²; Thửa số 203, tờ bản đồ số 28 ở sù đồng Nội có diện tích là 330 m²; thửa số 274.3, tờ bản đồ số 29 ở sù đồng Chũng có diện tích là 36 m²; Thửa số 16, tờ bản đồ số 28 ở sù đồng Mạ Hý có diện tích là 160 và 79,5m² của thửa số 28, tờ bản đồ số 29 ở sù đồng Nghè được xác định bởi các mốc 1,2,5,6,1 (có sơ đồ kèm theo).

Chia cho ông Nguyễn Văn G sử dụng 67,4 m² đất nông nghiệp trong tổng 1.416m² đất nông nghiệp cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn G, tại thửa số 28, tờ bản đồ số 29 ở sù đồng Nghè được xác định bởi các mốc 2,3,4,5,2 (có sơ đồ kèm theo).

Về án phí, chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Cụ Lê Thị H có đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn G yêu cầu phân chia tài sản chung của hộ gia đình và phân chia di sản thừa kế của

ông Nguyễn Văn G. Xét thấy tại thời điểm khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Văn G có hộ khẩu thường trú tại xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng về thẩm quyền. Việc cụ Lê Thị H bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 19/02/2021 là phù hợp với khoản 4 Điều 70 và khoản 2 Điều 71 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ vào mục 7, Phần IV của Công văn số 01/2017/GĐ - TANDTC ngày 07/4/2017 giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ của Tòa án các địa phương nên cần được chấp nhận.

Ngày 19/02/2021 cụ Lê Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tước quyền hưởng di sản của ông Nguyễn Văn G do đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản. Việc cụ H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, đồng thời những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đồng ý với quan điểm của cụ H nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với ông Nguyễn Văn G là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn G là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị H xác định đây là quan hệ tranh chấp chia tài sản chung của hộ gia đình và phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của các đương sự trong vụ án Hội đồng xét xử thấy:

[3.1]. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình đối với quyền sử dụng đất nông nghiệp: Qua xác minh tại UBND xã B cho biết: Căn cứ vào sổ địa chính lưu trữ tại UBND xã B thể hiện tại trang số 101 tên chủ sử dụng đất hộ cụ Nguyễn Văn G có vợ là cụ Lê Thị H ở thôn Y, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc được cấp là 1.416m² đất nông nghiệp bao gồm 06 thửa ruộng ở các xứ đồng khác nhau và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho chủ hộ là cụ Nguyễn Văn G. Tổng diện tích đất nói trên là cấp cho hộ gia đình cụ H và cụ G theo Nghị định số 64/CP của Chính Phủ về việc giao đất nông

ng nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, hộ gia đình cụ G và cụ H khi đó gồm 03 nhân khẩu: cụ Nguyễn Văn G - chủ hộ, cụ Lê Thị H (vợ cụ G) và ông Nguyễn Văn M (con trai cụ H cụ G), mỗi người được tiêu chuẩn đất nông nghiệp là 1 sào 4 thước. Do vậy diện tích đất nông nghiệp 1.416m^2 là của 3 khẩu bao gồm cụ G, cụ H và ông M. Mặt khác các đương sự là cụ H và các con là bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M cũng đều khẳng định diện tích đất nói trên là tiêu chuẩn ruộng của cụ G, cụ H và anh M. Vì vậy căn cứ vào Điều 212, Điều 218 và Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định tài sản chung của hộ gia đình cụ G bao gồm tiêu chuẩn ruộng canh tác của ba người là cụ Nguyễn Văn G, cụ Lê Thị H và ông Nguyễn Văn M. Do vậy yêu cầu chia tài sản chung của cụ H được chấp nhận. Như vậy diện tích đất nông nghiệp 1.416m^2 được chia cho ba người là cụ G, cụ H và ông M, mỗi người được sử dụng 472m^2 đất nông nghiệp. Do ông Nguyễn Văn M tự nguyện cho cụ H phần diện tích đất được chia nên cụ H được sử dụng 944m^2 đất nông nghiệp.

[3.2]. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hàng thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận cụ Lê Thị H và cụ Nguyễn Văn G sinh được 6 người con là ông Nguyễn Văn G; bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M, ngoài ra không có người con đẻ, con nuôi nào khác. Năm 2007 cụ Nguyễn Văn G chết không để lại di chúc gì, do vậy căn cứ theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất bao gồm vợ của cụ G là cụ Lê Thị H và các con của cụ G.

Về tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn G để lại là $1/3$ diện tích đất nông nghiệp nằm trong tổng diện tích 1.416m^2 đứng tên chủ hộ ông Nguyễn Văn G. Như vậy xác định tài sản của cụ G để lại là 472m^2 đất nông nghiệp được chia đều cho 7 kỹ phần thừa kế, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng $67,4\text{m}^2$ đất nông nghiệp. Do bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M đều tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế của mình cho cụ H toàn quyền quản lý và sử dụng nên cụ Lê Thị H được hưởng 6 kỹ phần thừa kế và ông Nguyễn Văn G được hưởng 01 kỹ phần thừa kế đất nông nghiệp bằng $67,4\text{m}^2$ đất (trị giá bằng $67,4\text{m}^2 \times 60.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 4.044.000 \text{ đồng}$). Do diện tích nông nghiệp được nằm rải rác ở 6 sù đồng khác nhau, tuy nhiên cụ H và các đồng thừa kế đều nhất trí chia kỹ phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn G

bằng hiện vật là 67,4m² đất nông nghiệp ở thửa số 28, tờ bản đồ số 29 ở xứ đồng Nghè thuộc thôn Y, xã B để tiện lợi cho việc canh tác của gia đình ông G nên cần được chấp nhận.

Qua kiểm tra thực tế đo đạc diện tích đất nông nghiệp của hộ cụ Nguyễn Văn G có sự chênh lệch về diện tích, có thừa ruộng thừa diện tích, có thừa ruộng thiếu diện tích, nguyên nhân là do sai số đo đạc, các hộ có đất xung quanh không có tranh chấp gì về đất. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ cụ Nguyễn Văn G được Nhà nước giao sử dụng là 1.416 m² đất nông nghiệp được phân chia như sau: Chia cho ông Nguyễn Văn G sử dụng 67,4 m² đất nông nghiệp của thửa số 28, tờ bản đồ số 29 ở xứ đồng Nghè có các chiều tiếp giáp cụ thể như sau: Cạnh 2-3 giáp đất ông Q, ông H dài 2,98m; cạnh 3-4 giáp đất ông G dài 22,65 m; cạnh 4-5 giáp ruộng dài 2,98m và cạnh 5-2 giáp diện tích đất còn lại Giao cho cụ H dài 22,6m (có sơ đồ kèm theo).

Chia cho cụ Lê Thị H tiếp tục sử dụng toàn bộ diện tích đất nông nghiệp còn lại bao gồm các thửa ruộng ở 6 xứ đồng khác nhau, cụ thể: Thửa số 208, tờ bản đồ số 29 ở xứ đồng Kêu Đầm có diện tích là 396 m² (diện tích đất thực tế đo đạc là 380,8 m²); Thửa số 250, tờ bản đồ số 29 ở xứ đồng Chũng có diện tích là 346 m²; Thửa số 203, tờ bản đồ số 28 ở xứ đồng Nội có diện tích là 330 m²; thửa số 274.3, tờ bản đồ số 29 ở xứ đồng Chũng có diện tích là 36 m²; Thửa số 16, tờ bản đồ số 28 ở xứ đồng Mạ Hỷ có diện tích là 160 và 79,5m² của thửa số 28, tờ bản đồ số 29 ở xứ đồng Nghè có các chiều tiếp giáp như sau: Cạnh 1- 2 giáp đất ông Hùng dài 3,50m; cạnh 2-5 giáp diện tích đất Giao cho ông G dài 22,61 m; cạnh 5-6 giáp ruộng dài 3,56m và cạnh 6-1 giáp đất ông D dài 22,57m (có sơ đồ kèm theo).

[4] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cụ Lê Thị H đã nộp tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Cụ Lê Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được hưởng. Riêng ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí tương ứng với kỹ phần thừa kế được hưởng và 1.416.000 đồng án phí phân chia tài sản chung của hộ gia đình.

Do cụ Lê Thị H và bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn nộp án phí cho cụ H và bà T.

Ông Nguyễn Văn G là người trên 60 tuổi nhưng ông G không có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho biết cụ H xin tự nguyện nộp án phí thay cho các đồng thừa kế là bà M, bà H, bà T và ông M. Xét yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 218, Điều 219, Điều 612, Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651; khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị H về việc yêu cầu tước quyền hưởng di sản của ông Nguyễn Văn G do đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị H về việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nông nghiệp của cụ Nguyễn Văn G để lại.

[2.1]. Về việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình:

Xác định tài sản chung của hộ gia đình cụ Lê Thị H, cụ Nguyễn Văn G và ông Nguyễn Văn M có tổng diện tích đất nông nghiệp là 1.416 m² đất (nằm ở các xứ đồng khác nhau hiện do cụ H và anh M đang quản lý sử dụng) được chia đều cho mỗi người sử dụng 472 m² đất nông nghiệp. Xác nhận sự tự nguyện ông Nguyễn Văn M tặng cho cụ Lê Thị H phần diện tích đất nông nghiệp được chia,

như vậy cụ Lê Thị H được chia 944m² đất nông nghiệp trong tổng diện tích đất nông nghiệp 1.416 m² cấp cho hộ gia đình.

[2.2]. Về việc phân chia di sản thừa kế là đất nông nghiệp của cụ Nguyễn Văn G để lại:

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn G để lại bao gồm 472 m² đất nông nghiệp được chia trong tổng diện tích đất nông nghiệp 1.416 m² cấp cho hộ gia đình.

Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn G theo pháp luật cho 7 kỹ phần thừa kế bao gồm: cụ Lê Thị H, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M mỗi người được sử dụng 67,4 m² đất nông nghiệp. Xác nhận sự tự nguyện bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M tặng cho cụ Lê Thị H kỹ phần thừa kế được chia. Do vậy cụ Lê Thị H được sử dụng 404,4 m² đất nông nghiệp được chia thừa kế và ông Nguyễn Văn G được hưởng 67,4 m² đất nông nghiệp được chia thừa kế.

Như vậy tổng diện tích đất nông nghiệp 1.416m² cấp cho hộ ông Nguyễn Văn G được phân chia như sau:

Chia cho ông Nguyễn Văn G sử dụng 67,4 m² đất nông nghiệp tại thửa số 28, tờ bản đồ số 29 ở xứ đồng Nghè thuộc thôn Y, xã B có các chiều tiếp giáp cụ thể như sau: Cạnh 2-3 giáp đất ông Q, ông H dài 2,98m; cạnh 3-4 giáp đất ông G dài 22,65 m; cạnh 4-5 giáp ruộng dài 2,98m và cạnh 5-2 giáp diện tích đất còn lại giao cho cụ H dài 22,6m (có sơ đồ kèm theo).

Chia cho cụ Lê Thị H tiếp tục sử dụng toàn bộ diện tích đất nông nghiệp còn lại bao gồm các thửa ruộng ở 6 xứ đồng khác nhau, cụ thể: Thửa số 208, tờ bản đồ số 29 ở xứ đồng Kêu Đàm có diện tích là 396 m²; Thửa số 250, tờ bản đồ số 29 ở xứ đồng Chũng có diện tích là 346 m²; Thửa số 203, tờ bản đồ số 28 ở xứ đồng Nội có diện tích là 330 m²; thửa số 274.3, tờ bản đồ số 29 ở xứ đồng Chũng có diện tích là 36 m²; Thửa số 16, tờ bản đồ số 28 ở xứ đồng Mạ Hỷ có diện tích là 160 m² và 79,5m² của thửa số 28, tờ bản đồ số 29 ở xứ đồng Nghè có các chiều tiếp giáp như sau: Cạnh 1- 2 giáp đất ông H dài 3,50m; cạnh 2-5 giáp diện tích đất giao cho ông G dài 22,61 m; cạnh 5-6 giáp ruộng dài 3,56m và cạnh 6-1 giáp đất ông Dưa Tiễn dài 22,57m (có sơ đồ kèm theo).

[3]. Về chi phí tố tụng: Cụ Lê Thị H tự nguyện nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản (xác nhận đã nộp đủ).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; cụ Lê Thị H phải nộp phần án phí của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M tổng cộng là 2.616.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải